TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/HS-PT
Ngày: 04/02/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lê Thị Thương Huyền

2/ Ông Nguyễn Văn Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 20/2026/TLPT-HS ngày 12/01/2026 đối với bị cáo Lê Bùi Thanh P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 258/2025/HS-ST ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lê Bùi Thanh P; giới tính: Nam; sinh ngày 01/4/1991; tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 566 Thống N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 566 Thống N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Kim V và bà Bùi Thị N; bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 16/09/2022, bị Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.500.000 đồng về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, đã đóng phạt vào ngày 31/10/2022.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2024 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh C thuê nhà ở địa chỉ tại số B4/21 đường Trần Đại N, ấp 2, xã T, (huyện B cũ) của bà NguyễN Thị Tuyết N để làm địa điểm mở quán kinh doanh Karaoke B, do C làm chủ. Quán có tất cả 07 nhân viên làm việc gồm: (1) Lâm Chí T là quản lý quán và được Cgiao đứng tên đăng ký giấy phép kinh doanh; (2) Võ Hoàng Tr là quản lý nhân viên phục vụ nữ; (3) Võ Hoàng Q là nhân viên thu ngân; (4) Nguyễn V, Lê Tấn K, Huỳnh Kim T1, Nguyễn Khánh D là nhân viên phục vụ đồ ăn, thức uống và thực hiện các yêu cầu khác của khách đến quán sử dụng dịch vụ theo sự chỉ đạo trực tiếp của T.

Vào đầu tháng 12/2023, tại cuộc họp báo cáo tình hình kinh doanh của quán, do quán vắng khách nên T có ý kiến xin phép C tổ chức cho khách sử dụng ma túy tại quán để tăng doanh thu và tăng thêm thu nhập cho nhân viên. C đồng ý và chỉ đạo T nâng giá tiền thuê phòng đối với khách đến sử dụng ma túy tại quán từ mức giá 220.000 đồng/giờ đến 260.000 đồng/giờ lên thành 420.000 đồng/giờ đến 460.000 đồng/giờ tùy theo loại phòng. Lúc này, Tr và V cũng có mặt và đồng ý thực hiện theo chủ trương của C và T. Sau đó, T triển khai cho các nhân viên còn lại của quán gồm: Q, K, T1 và D biết để thống nhất thực hiện và tất cả đồng ý theo chủ trương của T và C. Từ đầu tháng 12/2024 đến ngày 07/01/2024 có khoảng 18 lượt khách đến quán thuê phòng để uống bia, hát Karaoke và sử dụng ma túy, thu lợi bất chính khoảng 50.000.000 đồng.

Vào lúc 01 giờ 00 phút ngày 07/01/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện B và Công an xã T tiến hành kiểm tra quán Karaoke B tại địa chỉ trên thì phát hiện Trần Minh C, Lâm Chí T, Võ Hoàng Tr, Võ Hoàng Q, Nguyễn V, Huỳnh Kim T1, Lê Tấn K, Nguyễn Khánh D có hành vi tổ chức cho khách sử dụng trái phép chất ma túy tại 07 phòng, gồm: Vip 003, Vip 004, Vip 005, Vip 006, Vip 009, Vip 68 và Vip 79, cụ thể như sau:

1. **Tại phòng Vip 009, nhóm hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Bùi Thanh Ph, Vũ Văn Đ**

Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 06/01/2024, Vũ Văn Đ nhắn tin cho Bùi Văn H qua tài khoản Messenger tên "Bùi Duy M" và Hoàng Văn D có tài khoản Zalo lưu tên "A D" để rủ H và D đến quán Karaoke B sử dụng ma túy. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày 06/01/2024, Đ gọi điện thoại cho Lê Bùi Thanh P qua tài khoản Messenger tên "Lê P" kêu P mua ít "đồ" (nghĩa là ma túy thuốc lắc và Ketamine) đem đến quán Karaoke B để sử dụng. Sau đó Đ đón xe Grab đi đến nhà của D tại địa chỉ số 335 Nguyễn D, Phường B, Quận B để đón D cùng đi. Trên đường đi thì Đ tiếp tục nhắn tin và gọi điện thoại qua Zalo cho Nguyễn Thị C tên "BB" (là nhân viên quán) nhờ đặt một phòng để hát karaoke và gọi thêm 03 nữ tiếp viên đến phòng để phục vụ (Đ không nói cho C biết việc cả nhóm sẽ sử dụng ma túy). H cũng rủ bạn là Đặng Thị Cẩm X (sinh ngày 03/6/2006) đến quán hát karaoke nhưng không nói là đến đây để sử dụng ma túy.

Đ và D đến trước và được sắp xếp vào phòng Vip 009, khoảng 10 phút sau thì H và P đến thì Lê Tấn K (nhân viên của quán) đem đĩa sứ, thẻ nhựa và ống hút vào phòng để nhóm của Đ sử dụng ma túy. Lúc này, Pđi ra ngoài nhờ 01 nam nhân viên (không rõ là ai) đặt mua giúp 2.000.000 đồng ma túy (Ketamine và thuốc lắc) thì người này kêu P khoảng 15 phút sau đi ra ngã ba đường Trần Đại N - Quốc lộ 1A để gặp được một người nam thanh niên điều khiển xe máy đến ném hộp giấy xuống đất, P nhặt lên kiểm tra thấy bên trong có 01 gói ma túy Ketamine và 01 gói thuốc lắc rồi mang vào phòng Vip 009 để lên đĩa sứ trên mặt bàn. P nói với Đ tiền mua ma túy là 2.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán. Sau đó có 03 nhân viên nữ là Nguyễn Thị C, Phạm Thị Tố L và Huỳnh Thị Kim P (do Võ Hoàng Tr phân công) vào phòng để phục vụ. Khi tất cả có mặt đầy đủ, P xào nấu ma túy Ketamine và để thuốc lắc trên đĩa sứ để mọi người cùng sử dụng. Trong đó, Đ sử dụng ½ viên thuốc lắc; P sử dụng ¼ viên thuốc lắc và 02 đường Ketamine; H sử dụng 01 viên thuốc lắc và 02 đường Ketamine; D sử dụng ½ viên thuốc lắc và 02 đường Ketamine; còn T, Lvà P sử dụng 04 đường Ketamine; X sử dụng 02 đường Ketamine. Khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị bắt quả tang. Thu giữ ở dưới sàn nhà sát chân bàn 01 đĩa sứ chứa 0,2933 gam Ketamine; 01 gói nylon chứa 1,9307 gam Ketamine; 01 gói nylon chứa 02 viên nén và các mảnh vụn viên nén màu xám, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,0642 gam loại MDMA; 01 thẻ nhựa màu xanh; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn. P và Đ khai nhận số ma túy trên là của cả 02 hùn tiền mua để sử dụng và cho H, D, X, P, T và L sử dụng miễn phí.

Kết quả nhận dạng, P xác định người nam nhân viên đã đặt mua ma túy giúp P là Huỳnh Kim T1, tuy nhiên T1 không thừa nhận. Ngoài lời khai của P, không còn chứng cứ nào khác chứng minh T1 đã giúp P đặt mua số ma túy trên để cả nhóm trong phòng Vip 009 sử dụng.

Kết quả xét nghiệm ma túy ghi nhận: P, Đ, H, D, X, P, T, Lđều dương tính ma túy.

Thu giữ các vật chứng gồm: 01 gói niêm Pbên trong có: 01 gói nylon chứa bột màu trắng (ký hiệu mẫu m1) là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine, có khối lượng sau giám định là 0,1983g; 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu mẫu m2) là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine, có khối lượng sau giám định là 1,7410g; 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu xám và các mảnh vụn viên nén màu xám (ký hiệu mẫu m3) là ma túy ở thể rắn, loại MDMA, có khối lượng sau giám định là 0,7559g; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa màu xanh; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được quấn tròn; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, có số IMEI 1: 359272539776023; IMEI 2: 359272539774648, cùng sim số 0562292596 (thu giữ của Lê Bùi Thanh P); 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 9S, có số IMEI 1: 865909042062790, IMEI 1: 865909042062808 cùng sim số 0961460386 và 01 sim không rõ số thuê bao (thu giữ của Vũ Văn Đ); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, có số IMEI 1: 358538320508937; IMEI 2: 358538320588384, cùng sim số 0977006764 (thu giữ của Bùi Văn H); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro Max, có số IMEI 1: 351661823127778;

IMEI 2: 351661823253533, cùng sim số 0927073333 và 0988419933 (thu giữ của Hoàng Văn D); 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, có số IMEI 1: 359871976888389; IMEI 2: 359871976795402, cùng sim số 0937539124 (thu giữ của Đặng Thị Cẩm X); 01 điện thoại di động IPHONE 13, có số IMEI 1: 354922762596705; IMEI 2: 354922762548995, cùng 01 sim cắt (thu giữ của Nguyễn Thị Cẩm T); 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max, có số IMEI 1: 356796486250817; IMEI 2: 356796486472478, cùng sim số 0342594323 (thu giữ của Phạm Thị Tố L).

Ngoài ra, tại các phòng vip khác của quán, còn có các nhóm bị cáo khác thực hiện hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy:

Tại phòng Vip 003: Nhóm hành vi phạm tội của Nguyễn Huỳnh Thanh P, Nguyễn Văn L, Biện Phương T, Lê Minh Đ và Nguyễn V.

Tại phòng Vip 004: Nhóm hành vi phạm tội của Đặng Văn T1, Ngô Thanh P, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Văn Đ, Trương Thành N, Triệu Hoàng P.

Tại phòng Vip 005: Nhóm hành vi phạm tội của Nguyễn Đình T, Tống Anh Đ, Hoàng Mai C, Quách Ngọc H.

Tại phòng Vip 006: Nhóm hành vi phạm tội của Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành C, Phạm Ngọc Anh T, Triệu Hải L và Trương Thị Kim Tn.

Tại phòng Vip 687: Nhóm hành vi phạm tội của Nguyễn Thành D, Nguyễn Quốc D, Huỳnh Chí H, Nguyễn Thanh N, Đỗ Minh T và Võ Thị G.

Tại phòng Vip 79: Hành vi phạm tội của Nguyễn V

Tất cả số ma túy thu giữ của các bị cáo từ nhóm hành vi nêu trên đã được giám định, kết quả thể hiện tại các Kết luận giám định số 960, 961, 962, 1002, 1016/KL-KTHS ngày 15/01/2024 và 1176/KL-KTHS ngày 17/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 258/2025/HS-ST ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm i Khoản 1 Điều 249, điểm b, c Khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Bùi Thanh P 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2024.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Trần Minh Cảnh, Lâm Chí T, Võ Hoàng Tr, Võ Hoàng Q, Huỳnh Kim T1, Lê Tấn K, Nguyễn Khánh D, Nguyễn V, Nguyễn Huỳnh Thanh P, Nguyễn Văn L, Biện Phương T, Lê Minh Đ, Đặng Văn T1, Ngô Thanh Phương, Nguyễn Hải Đ, Nguyễn Văn Đ, Trương Thành N, Triệu Hoàng P, Nguyễn Đình

T, Tống Anh Đ, Quách Ngọc H, Hoàng Mai C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành C, Phạm Ngọc Anh T, Triệu Hải L, Vũ Văn Đ, Nguyễn Thành D, Nguyễn Quốc D, Huỳnh Chí H, Nguyễn Thanh N, Đỗ Minh T và Võ Thị G; xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/12/2025, bị cáo Lê Bùi Thanh P kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo Lê Bùi Thanh P phạm các tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm i Khoản 1 Điều 249; điểm b, c Khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết mới để xem xét, mức án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Do đó, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Bùi Thanh P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Bùi Thanh P trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 07/01/2024, bị cáo Lê Bùi Thanh P và Vũ Văn Đ cùng thống nhất hùn tiền thuê phòng Vip 009 của quán karaoke B, mua ma túy loại Ketamine và MDMA để cho Bùi Văn H, Hoàng Văn D, Đặng Thị Cẩm X (sinh ngày 03/6/2006), Huỳnh Thị Kim P, Nguyễn Thị C và Phạm Thị Tố L sử dụng ma túy miễn phí thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, tại Vip 009, lực lượng Công an còn thu

giữ của các bị cáo P và Đ 0,2933 gam Ketamine, 1,9307 gam Ketamine và 1,0642 gam MDMA cất giấu trong gói nylon. Các bị cáo P và Đkhai nhận số lượng ma túy tàng trữ (2,224 gam Ketamine và 1,0642 gam MDMA) với để sử dụng cho bản thân.

Do đó, có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Lê Bùi Thanh P đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp "Đối với 02 người trở lên", "Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp "Có 02 chất ma túy trở lên" tội phạm được quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Bùi Thanh P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhe nào mới để xem xét. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Bùi Thanh P; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 258/2025/HS-ST ngày 03/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ vào điểm i Khoản 1 Điều 249; điểm b, c Khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 38; Điều 7; Điều 50; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Bùi Thanh P 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai tội là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/01/2024.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- TAND KVA – TP.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND KVA – TP.HCM; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- P. THADS KVA – TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Công an TP. Hồ Chí Minh; (1)
- THAHS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (22) (6)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thanh Lâm